

THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM BÁO GIÁ

Kính gửi: Quý công ty

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác với Quý Công ty.

Bệnh viện Đa khoa Tân Bình đang có nhu cầu Mua sắm vật tư y tế chuyên khoa Mắt năm 2026 để phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện.

Kính mời Quý công ty có năng lực kinh nghiệm cung ứng hàng hóa theo yêu cầu, quan tâm cung cấp báo giá làm cơ sở cho công tác xây dựng giá gói thầu Mua sắm vật tư y tế chuyên khoa Mắt năm 2026

1. Danh mục mời báo giá:

- Theo mẫu Phụ lục đính kèm Thông báo.

2. Hồ sơ báo giá:

- Đầy đủ các cột mục theo Phụ lục báo giá đính kèm Thông báo.
- Giá trong báo giá là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan
- Hiệu lực báo giá: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.
- Bản chính Bảng báo giá phải có chữ ký, đóng dấu của người đại diện hợp pháp.

3. Thời gian nộp báo giá, hình thức gửi báo giá và nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

3.1. Thời hạn nộp báo giá:

- Từ ngày đăng thông báo đến hết ngày 20/11/2025.

3.2. Hình thức gửi báo giá:

- Bản giấy Hồ sơ báo giá gửi về nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá theo Thông báo.
- Gửi file và bản scan báo giá có đóng dấu qua email (Tiêu đề mail theo cấu trúc: Baogia-VTYTMAT2026-Tên công ty)

3.3. Nơi tiếp nhận hồ sơ báo giá:

- Khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế; Địa chỉ: số 605 Hoàng Văn Thụ, Phường

Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.

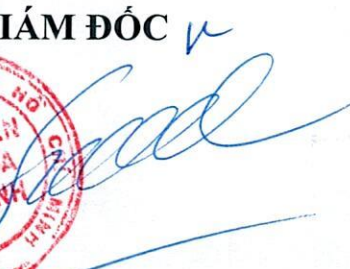
- Số điện thoại liên hệ: 38.119.936; Di động: 0903.297.137 (Ds.Vân).

- Email: vtyttanbinh@gmail.com

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV;
- TMS;
- Lưu VT, K.Dược.

GIÁM ĐỐC 

Bs. CKII. Võ Văn Hùng



DANH MỤC HÀNG HÓA BẢO GIÁ
Gợi đầu: Mua sắm vật tư y tế chuyên khoa Mắt năm 2026- Bệnh viện Đa khoa Tân Bình

DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY																	
STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	MA HS	Hạng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (ĐVT: đồng)	Thanh tiền (ĐVT: đồng)
A	B	C	D	E	1 (*)	2 (*)	3	4 (*)	5 (*)	6 (*)	7 (*)	8	9 (*)	10 (*)	11 (*)	12 (*)	13 (*)
1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 1	1. Chất liệu: Acrylic Hydrophobic; 2. Màu sắc: Màu vàng, lọc ánh sáng xanh; 3. Đường kính Optic $\geq 6mm$, chiều dài tổng thể $\geq 13mm$; 4. Thiết kế càng: càng chữ C hoặc L; 5. Thiết kế optic: phi cầu; 6. Dải công suất: dải bảo cung cấp được đủ dải công suất (P) từ +0 D đến +34 D; 7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1.46$; 8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4mm$; Thủy tinh thể kèm theo dụng cụ đặt kính.	Cái	50													
2	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 2	1. Chất liệu Acrylic không ngâm nước; 2. Đường kính Optic $\geq 6mm$, chiều dài tổng $\geq 13mm$; 3. Thiết kế càng: càng chữ C hoặc L, góc càng 0 độ; 4. Thiết kế Optic: Thấu kính phi cầu điều chỉnh cầu sau về gần zero; bỏ sau vuông 360 độ liên tục; 5. Thiết kế 3 điểm cố định túi bao; kéo dài tiêu cự, tăng cường thêm tầm nhìn trung gian; 6. Dải công suất: từ +5.0D đến +34.0D; 7. Chỉ số khúc xạ ≥ 1.46 ; 8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4mm$; Thủy tinh thể không lắp sẵn đóng gói riêng kèm Cartridge sử dụng 1 lần sử dụng trên dụng cụ đặt kính Injector kiểu xoay;	Cái	650													
3	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 3	1. Chất liệu: Acrylic Hydrophobic; 2. Màu sắc: màu vàng, lọc ánh sáng xanh, tia UV; 3. Đường kính optic từ 5mm đến 6mm; Chiều dài tổng thể từ 10mm đến 11mm; 4. Thiết kế càng: 4 càng; 5. Thiết kế optic: Phi cầu; 6. Dải công suất: từ -10 D đến + 30.0 D; 7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1.46$; 8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4mm$; Thủy tinh thể kèm theo dụng cụ đặt kính	Cái	350													
4	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, 1 mảnh, đơn tiêu loại 4	1. Chất liệu: Acrylic ngâm nước kết hợp với bề mặt không ngâm nước; 2. Đường kính optic: $\geq 6mm$; Chiều dài tổng từ $\geq 13.0mm$; 3. Thiết kế càng: Càng chữ C hoặc L; 4. Thiết kế optic: Phi cầu; 5. Dải công suất: -20 D $\rightarrow$ +45D 6. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.46 ; 7. Kích thước vết mổ $\leq 2.4mm$; 8. Thủy tinh thể kèm theo Injector + Cartridge sử dụng 1 lần.	Cái	50													

DANH MỤC BỆNH VIỆN YẾU CẦU					DANH MỤC BÁO GIÁ CỦA CÔNG TY												
STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/ND-CP	Đơn giá (DVT: đồng)	Thành tiền (DVT: đồng)
5	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, loại 5.	1. Chất liệu Acrylic ngâm nước kết hợp với bề mặt kỵ nước. 2. Đường kính optic: $\geq 6.0\text{mm}$, tổng chiều dài kính $\geq 11\text{mm}$ 3. Kính (optic) và càng (haptic) thiết kế gờ vuông, bờ vuông mặt sau 360 độ liên tục. 4. Thiết kế càng: 4 càng hoặc dạng phiến hoặc dạng đĩa 5. Kính (optic): cầu sai trung tính, phi cầu mặt sau. 6. Dải công suất: $\pm 0.0\text{D}$ tới $\pm 3.5\text{OD}$. 7. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.46 8. Kích thước vết mổ: $\leq 2.8\text{mm}$. Kèm dụng cụ đặt kính.	Cái	100													
6	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu, 3 mảnh	1. Chất liệu Acrylic không ngâm nước, Loại tia UV 2. Bờ trước tròn chống chói, bờ sau vuông 360 độ 3. Thiết kế càng chữ C hoặc L 4. Đường kính Optic $\geq 6\text{mm}$, chiều dài tổng $\geq 12.5\text{mm}$ 5. Dải Diop : từ $+10\text{OD}$ đến $+30\text{OD}$. 6. Chỉ số khúc xạ: $n \geq 1.46$. 7. Kích thước vết mổ $\leq 3.0\text{mm}$. 8. Thủy tinh thể không lắp sẵn dòng gói riêng kèm Cartridge sử dụng 1 lần sử dụng trên dụng cụ đặt kính Injector kiểu xoay.	Cái	50													
7	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 1	1. Chất liệu: hợp chất Acrylic (Acrylates) với bề mặt kỵ nước, lọc tia cực tím (UV); 2. Đường kính optic: $\geq 6.0\text{mm}$; Chiều dài: 11.0mm đến 11.5mm ; 3. Thiết kế càng: Một mảnh, mềm dạng phiến (Plate design); khúc xạ toàn phần không đối xứng; Góc càng 0 độ 4. Thiết kế optic: Kính công suất (+) 2 mắt lồi; Kính công suất (-) một mắt lõm, một mắt lồi; 5. Phi cầu mắt sau. Vùng nhìn gần hình quạt mắt trước: $+1.5\text{D}$; 6. Dải công suất: -10.0D tới -1.0D (1.0D) $\pm 0.0\text{D}$ tới $+36.0\text{D}$ (0.5D); 7. Chỉ số khúc xạ: ≥ 1.46 ; 8. Kích thước vết mổ $\leq 2.4\text{mm}$; Kèm dụng cụ đặt kính.	Cái	250													
8	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 2	1. Chất liệu: Hợp chất Acrylic (Acrylates) với bề mặt kỵ nước; 2. Đường kính optic: $\geq 6.0\text{mm}$. Chiều dài: từ 11mm đến 11.5mm ; 3. Thiết kế càng: Một mảnh, mềm dạng phiến; khúc xạ toàn phần không đối xứng; 4. Thiết kế optic: Kính công suất (+) 2 mắt lồi; Kính công suất (-) một mắt lõm, một mắt lồi; Tăng cường thêm vùng nhìn gần, vùng nhìn gần hình quạt mắt trước: $+3\text{OD}$; 5. Mặt kính: Phi cầu mặt sau. Phù hợp với đồng tử nhỏ; 6. Dải công suất: -10.0D tới -1.0D (1.0D) $\pm 0.0\text{D}$ tới $+36.0\text{D}$ (0.5D) 7. Chỉ số khúc xạ: $n \geq 1.46$; 8. Kích thước vết mổ: $\leq 2.4\text{mm}$; Kèm dụng cụ đặt kính.	Cái	100													

DANH MỤC BỆNH VIỆN YÊU CẦU					DANH MỤC BẢO GIÁ CỦA CÔNG TY												
STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Năm sản xuất	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Mã HS	Hàng sản xuất	Nước sản xuất	Phân loại theo ND 98/2021/NĐ-CP	Đơn giá (BVT: đồng)	Thành tiền (BVT: đồng)
9	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đa tiêu, 1 mảnh loại 3	1. Chất liệu: Acrylic lý nước; 2. Đường kính optic: $\geq 6,00mm$, Đường kính tổng: $\geq 13mm$; 3. Thiết kế càng: Càng Chữ C hay L; 4. Góc càng: 0 độ; 5. Thiết kế optic: phi cầu, thiết kế 3 điểm có định lõi bao; kết hợp công nghệ kéo dài tiêu cự (EDOF) Bỏ sau vuông 360 độ 6. Độ công suất: từ + 5D đến + 34D; 7. Chỉ số khúc xạ $n \geq 1,46$; 8. Đường kính vết mổ $\leq 2,4mm$, Kèm dụng cụ đặt kính.	Cái	50													
10	Dao mổ mắt 15 độ	1. Chất liệu lưỡi dao lán bằng thép không rỉ, phủ Silicon, mài theo công nghệ mài ngang; 2. Dao bằng lưỡi dao có các kích cỡ 15 độ. 3. Có hộp nhựa bảo vệ.	Cái	200													
11	Dao tạo đường hầm 2.4mm	1. Chất liệu lưỡi dao lán bằng thép không rỉ, phủ silicon 2. Kích thước lưỡi dao ngang: 2.4mm, hai mặt vát, góc 45 độ 3. Tay cầm bằng nhựa. Có hộp nhựa bảo vệ.	Cái	500													
12	Dao tạo đường hầm 3.0mm	1. Chất liệu lưỡi dao lán bằng thép không rỉ, phủ silicon. 2. Kích thước lưỡi dao ngang: 3.0mm, hai mặt vát, góc 45 độ; 3. Tay cầm bằng nhựa. Có hộp nhựa bảo vệ.	Cái	500													
13	Cassette dùng cho máy Phaco Centuron Vision System (Active Sentry)- Alcon	Cassette centuron chủ động (8065752201) hoặc tương đương	Cái	50													
14	Cassette dùng cho máy Phaco Laureate - Alcon	Ultrasound Cassette cho máy Phaco Laureate	Cái	100													
15	Chất nhầy	Chất nhầy phẫu thuật phaco, loại DUOVISC hoặc Chất nhầy phẫu thuật Healon Pro 0.55ml (Chất nhầy phẫu thuật nội nhãn, thành phần Hyaluronic Sodium 1% (10mg/ml), ống 0,55 ml, trong lượng phân tử trung bình 3.2 triệu Dalton, độ nhầy 150.000 mPas; độ thẩm thấu 200-400 mosmol / kg và độ pH 6,8-7,6)	Ông	1.200													
16	Dung dịch BSS	Dung dịch BSS 500ml	Bịch	200													
17	Chất nhuộm bao	Chất nhuộm bao dùng trong phẫu thuật phaco: Trypan Blue 0.6mg/ml	Lọ	200													
Tổng cộng thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí khác có liên quan)																	



- *Hiện lực của báo giá: từ ngày 06 tháng kể từ ngày 20/11/2025*

*** Ghi chú:**

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng
- Giá ở cột 12 là giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan.
- Các cột có dấu (*) là các cột buộc phải có thông tin, để nghị công ty báo đầy đủ.
- Xuất xứ: Nhóm nước G7, EU

Ngày tháng năm 2025
 Đại diện Công ty
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)